TOÁN 5 – BÀI 44: LUYỆN TẬP CHUNG.

Bài 1. Điền tỉ số phần trăm thích hợp cho mỗi phân số sau.

a) $\frac{14}{10}$ = ...

b) $\frac{2285}{1000}$ = ...

c) $\frac{5}{10}$ = ...

d) $\frac{1519}{1000}$ = ...

Bài 2. Viết các tỉ số phần trăm sau dưới dạng phân số có mẫu số 100.

a) 16,4% =... ... ...

b) 48,2% =... ... ...

c) 52,1% =... ... ...

d) 35,8% =... ... ...

Bài 3. Tính tỉ số phần trăm của hai số sau.

a) Tỉ số phần trăm của 24 và 30 là ... ...

b) Tỉ số phần trăm của 7 và 16 là ... ...

c) Tỉ số phần trăm của 36 và 48 là ... ...

d) Tỉ số phần trăm của 5 và 8 là ... ...

Bài 4. Điền tỉ lệ bản đồ thích hợp sau khi đổi về cùng đơn vị.

a) 1cm Trên bản đồ ứng với 5000m ngoài thực tế. Tỉ lệ bản đồ là ... ...

b) 1cm Trên bản đồ ứng với 20m ngoài thực tế. Tỉ lệ bản đồ là ... ...

c) 1cm Trên bản đồ ứng với 2000m ngoài thực tế. Tỉ lệ bản đồ là ... ...

d) 1cm Trên bản đồ ứng với 50m ngoài thực tế. Tỉ lệ bản đồ là ... ...

Bài 5. Viết tỉ lệ bản đồ thích hợp cho mỗi mô tả sau.

a) 1 cm trên bản đồ ứng với 100 cm ngoài thực tế. Tỉ lệ bản đồ là ... ...

b) 1 cm trên bản đồ ứng với 200 cm ngoài thực tế. Tỉ lệ bản đồ là ... ...

c) 1 cm trên bản đồ ứng với 1000 cm ngoài thực tế. Tỉ lệ bản đồ là ... ...

d) 1 cm trên bản đồ ứng với 5000 cm ngoài thực tế. Tỉ lệ bản đồ là ... ...

Bài 6. Bảng dưới đây cho biết kết quả khảo sát về phương tiện đến trường của 100 học sinh lớp 5.

Phương tiện	**Số lượng (học sinh)**
xe đạp	38
xe buýt	24
đi bộ	27
ô tô	11
Tổng cộng	**100**

Dựa vào bảng, hãy viết tỉ số phần trăm của từng nhóm so với tổng số đối tượng được khảo sát.

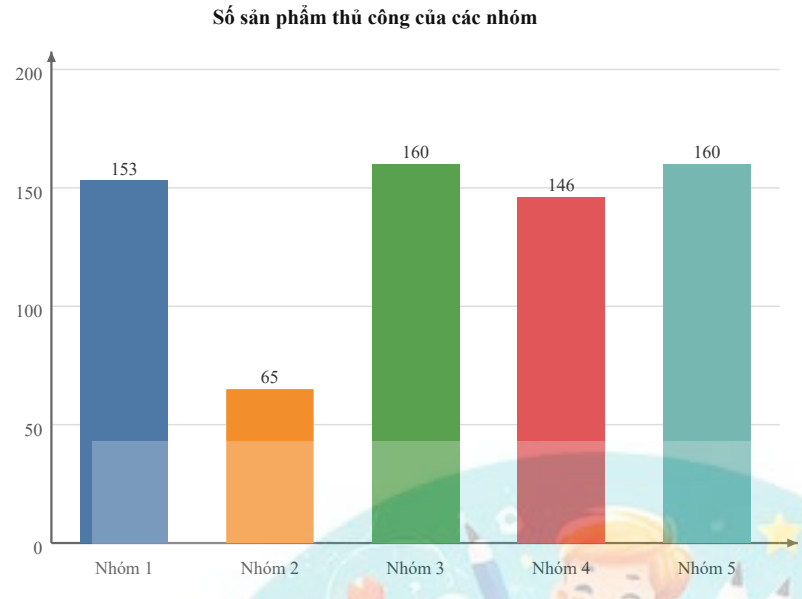
a) Tỉ số phần trăm của số học sinh đến trường bằng xe đạp so với tổng số học sinh được khảo sát là ... ...

b) Tỉ số phần trăm của số học sinh đến trường bằng xe buýt so với tổng số học sinh được khảo sát là ... ...

c) Tỉ số phần trăm của số học sinh đến trường bằng đi bộ so với tổng số học sinh được khảo sát là ... ...

d) Tỉ số phần trăm của số học sinh đến trường bằng ô tô so với tổng số học sinh được khảo sát là ... ...

Bài 7. Quan sát biểu đồ cột dưới đây. Chọn cột Nhóm 3 làm cột chuẩn. Hãy điền tỉ số phần trăm của mỗi cột còn lại so với cột Nhóm 3.



a) Tỉ số phần trăm của Nhóm 1 so với Nhóm 3 là ... ...

b) Tỉ số phần trăm của Nhóm 2 so với Nhóm 3 là ... ...

c) Tỉ số phần trăm của Nhóm 4 so với Nhóm 3 là ... ...

d) Tỉ số phần trăm của Nhóm 5 so với Nhóm 3 là ... ...

Bài 8. Một tổ may có hai dải vải hoa và vải trơn. Dải vải trơn bằng $\frac{4}{5}$ độ dài dải vải hoa và ngắn hơn dải vải hoa 12dm. Tìm độ dài dải vải hoa rồi đổi độ dài đó sang m.

Trình bày lời giải để tìm độ dài dài hơn và đổi số đo đó sang m.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 9. Một túi gạo nặng 8kg, còn một túi bột mì nặng 4500g. Tìm tỉ số của khối lượng túi gạo và khối lượng túi bột mì.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 10. Trên một bản đồ tỉ lệ 1: 1000, chiều dài một lối đi trong công viên đo được 13,5cm. Tính độ dài thật của lối đi trong công viên trên thực tế theo đơn vị mét.

Bài giải

……
……
……
……

Bài 11. Trong một bao phân bón hỗn hợp có khối lượng 20 kg, thành phần kali chiếm 15%. Tính khối lượng kali có trong bao phân bón hỗn hợp đó.

Bài giải

……
……
……

Bài 12. Trên một bản đồ hành chính, đoạn đường giữa xã Tân Lập và thị trấn Phú Hòa đo được 5cm. Ngoài thực tế, độ dài đoạn đường đó là 50km. Hãy xác định tỉ lệ của bản đồ.

a) Đổi độ dài thật của đoạn đường từ ki-lô-mét sang xăng-ti-mét.

b) Dựa vào kết quả vừa đổi, hãy viết tỉ lệ bản đồ dạng 1: n.

Bài giải

……
……
……
……
……

Bài 13. Trong một đợt kiểm tra chất lượng, một xưởng sản xuất kiểm tra 800 sản phẩm. Có 772 sản phẩm đạt chuẩn. Các sản phẩm còn lại được xếp vào nhóm không đạt chuẩn.

a) Tính tỉ số phần trăm của số sản phẩm đạt chuẩn so với tổng số sản phẩm.

b) Tính tỉ số phần trăm của số sản phẩm không đạt chuẩn so với tổng số sản phẩm.

Bài giải

……
……
……
……
……
……
……

Bài 14. Trong ngày hội thể thao của lớp 5A tại sân thể dục, đội Bóng đá có 29 học sinh, đội Cầu lông có 55 học sinh, đội Cờ vua có 39 học sinh. Em hãy lập các tỉ số theo yêu cầu sau.

a) Lập tỉ số của số học sinh đội Bóng đá và số học sinh đội Cầu lông.

b) Lập tỉ số của số học sinh đội Cờ vua và số học sinh đội Bóng đá, rồi nêu ý nghĩa của tỉ số đó.

c) Lập tỉ số của số học sinh đội Cầu lông và tổng số học sinh tham gia hoạt động.

Bài giải

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 15. Một tấm bìa hình chữ nhật có chu vi là 80cm. Chiều rộng bằng $\frac{5}{11}$ chiều dài. Tìm chiều dài và chiều rộng của tấm bìa.

Trình bày lời giải để tìm chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật.

Bài giải

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 16. Bác Hòa gửi tiết kiệm số tiền 491 000 000 đồng tại ngân hàng với lãi suất 9% cho kì hạn một năm. Tiền lãi được tính theo lãi đơn trong đúng một kì và không nhập lãi vào vốn.

a) Tính số tiền lãi người đó nhận được sau kì hạn đó.

b) Tính tổng số tiền gửi ban đầu và tiền lãi người đó nhận được sau kì hạn đó.

Bài giải

……
……